

NHỮNG SUY NGHĨ BƯỚC ĐẦU QUA VIỆC KHẢO SÁT THỰC TRẠNG CƠ CẤU XÃ HỘI MỘT VÙNG NÔNG THÔN

ĐẶNG CẢNH KHANH
và nhóm nghiên cứu Hải Hậu

LÀY việc khảo sát thực trạng và những biến dị của cơ cấu xã hội nông thôn làm trọng tâm, trong bộ viết dưới đây, chúng tôi nêu lên một số suy nghĩ bước đầu được rút ra từ việc nghiên cứu như sau :

Thứ nhất, việc đẩy mạnh sản xuất hàng hóa ở những vùng trọng điểm lúa hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Chúng ta chưa tạo ra được cơ sở kinh tế - xã hội, chưa xây dựng được những quan niệm, tư tưởng, lập quán, tâm lý mới mẻ cho công việc này.

Thứ hai, do chưa có được sự chuyển biến mạnh mẽ sang sản xuất hàng hóa, các vùng nông thôn chuyên canh lúa đã chưa có những biến đổi lớn trong cơ cấu xã hội. Mức độ phân hóa xã hội dựa trên cơ sở của sự phân công lại lao động nghề nghiệp, cũng như sự phân chia người giàu người nghèo ở khu vực này là chưa đáng kể.

Thứ ba, con đường đưa nông nghiệp độc canh, sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không thể không gắn liền với việc phát triển mạnh kinh tế hàng hóa. Điều này sẽ không thể thực hiện được nếu chúng ta không ban hành những chính sách nhằm xây dựng được một cơ sở kinh tế - xã hội mới, một cơ chế quản lý thích hợp, một bầu không khí tâm lý, tập quán xã hội mới.

I.1. Nhóm nghiên cứu đã chọn một vùng chuyên canh lúa làm địa bàn nghiên cứu về kinh tế hàng hóa. Điều này có thể bị coi là chưa thật hợp lý, và thực tế, lúc đầu cũng đã gây ra những tranh luận trong chính những thành viên của nhóm. Bởi lẽ, việc đặt vấn đề nghiên cứu sản xuất hàng hóa và những biến đổi về cơ cấu xã hội có phần nào đã tương như mâu thuẫn với sự lựa chọn một khu vực khảo sát mà rõ ràng vẫn còn lâu nữa mới có thể thoát ra khỏi sự thống trị độc tôn của cây lúa. Tuy nhiên, chính điều tương như mâu thuẫn ấy lại có sự hợp lý của nó. Sự trở lại với những khu vực còn đang bước một cách chưa mấy nhanh chóng vào con đường sản xuất hàng hóa có

thể tạo điều kiện để tìm kiếm cụ thể hơn những khó khăn và tồn tại của chính sự phát triển kinh tế hàng hóa. Ở góc độ này việc nghiên cứu ở Hải Hậu đã không mâu thuẫn với mục tiêu ban đầu mà nhóm nghiên cứu đặt ra.

I.2. Những tiền đề lý luận cho việc nghiên cứu kinh tế hàng hóa và sự phân công lại lao động trong cơ cấu xã hội đã được Mác, Ăngghen nêu rõ và phân tích từ lâu. Trong nhiều tác phẩm nổi tiếng của mình, Mác, Ăngghen đã nghiên cứu sâu sắc quá trình hình thành và phát triển của kinh tế hàng hóa, những nhân tố tích cực của nó đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội; việc mở rộng thị trường tiêu thụ và khả năng khai thác những tiềm năng vật chất và lao động phục vụ cho sản xuất hàng hóa. Câu nói của hai ông: “Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng

sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thể hệ trước gộp lại” (1), đã nói lên sức mạnh đáng ngạc nhiên của lực lượng sản xuất do sự phát triển của kinh tế hàng hóa mang lại. Bên cạnh sự phân tích những mặt mâu thuẫn và tội tệ của kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa, những luận điểm của Mác và Ăngghen về sản xuất hàng hóa vẫn còn là những kim chỉ nam về lý luận để nghiên cứu giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Có thể coi Lênin là người đầu tiên đã phân tích và nghiên cứu một cách sâu sắc tình hình thực tiễn vấn đề sản xuất hàng hóa trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội. Người đã đả phá mạnh mẽ những tư tưởng cứng nhắc về chế độ quản lý tập trung quan liêu và sự thống trị tuyệt đối của chế độ sở hữu toàn dân đối với tư liệu sản xuất trong thời kỳ quá độ. Người cho rằng, trong những điều kiện của thời kỳ này, các quan hệ hàng hóa - tiền tệ có một vị trí hết sức quan trọng nhằm thúc đẩy sự giao lưu kinh tế, kích thích sản xuất, nâng cao trình độ quản lý của giai cấp công nhân. Người luôn luôn nhấn mạnh tới việc tận dụng tối đa những khả năng về vốn và lao động của các thành phần tư nhân, cá thể, tôn trọng sự tự do trao đổi các sản phẩm làm ra trên thị trường.

Ngày nay, trong công cuộc cải tổ đang diễn ra một cách mạnh mẽ ở các nước xã hội chủ nghĩa, những quan điểm mới mẻ về việc phát triển kinh tế hàng hóa mang tính xã hội chủ nghĩa đã được chú ý nhiều. Sự phát triển của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật hàng hóa - tiền tệ được điều tiết bởi cơ chế thị trường có tổ chức trở thành một trong những hướng chủ đạo của tư duy kinh tế mới. Sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa trở thành vấn đề quan trọng được ghi trong cương lĩnh của các Đảng cộng sản và công nhân tại hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa.

I.3. Sản xuất hàng hóa dù ở đâu và trong hoàn cảnh nào cũng mang một đặc tính giống nhau, đó là sản xuất ra những sản phẩm để trao đổi thông qua mua bán. Bởi vậy, sự tồn tại của nền kinh tế sản xuất mang tính chất hàng hóa phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, vào mức độ của sự phân công lao động xã hội, sự chuyên môn hóa sản xuất cũng như chính môi trường mua bán.

Việc khảo sát và đo lường mức độ của sự phát triển kinh tế hàng hóa do vậy cũng cần phải được bắt đầu trước hết ở sự phân tích những điều kiện kinh tế - xã hội. Về phương diện này, nghiên cứu về những vấn đề xã hội lại phải quay trở về

1. Mác – Ăngghen, Tuyển tập, T. 1. NXB. Sự thật, 1962, tr. 25.

với cơ sở ban đầu, bởi điểm xuất phát có tính phương pháp luận của nó, đó là nghiên cứu kinh tế. Nghiên cứu về cơ cấu xã hội phải bắt đầu từ nghiên cứu cơ cấu kinh tế, từ sự phân hóa nghề nghiệp xã hội, sự phân công lại lao động, từ vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất.

Chúng tôi cũng bắt đầu việc nghiên cứu, khảo sát ở Hải Hậu bằng sự phân tích những điều kiện kinh tế - xã hội tích cực hoặc tiêu cực ảnh hưởng với quá trình phát triển kinh tế hàng hóa và sự biến đổi của cơ cấu xã hội.

*

* *

II.1 Với những cánh đồng thẳng cánh cò bay là một hệ thống tưới tiêu thuận tiện, Hải Hậu từ lâu đã được coi là một vùng nông nghiệp trù phú. Đất tốt và năng suất lúa cao đã khiến cho đến nay Hải Hậu có khả năng tự túc hoàn toàn về lương thực và ít bị sự đe dọa của nạn đói. Ruộng đất và cây lúa từ lâu đã trở thành và hiện nay và tiếp tục trở thành chỗ dựa đáng tin cậy, thành trung tâm những hoạt động lao động của người nông dân.

Tuy vậy, chỗ mạnh về sản xuất lúa gạo của Hải Hậu, ở một mức độ nhất định lại trở thành một lực cản không nhỏ đối với việc phát triển sản xuất hàng hóa, nhất là trong những điều kiện đất đai eo hẹp và dân số gia tăng. Nếu nói yếu tố quan trọng nhất đối với việc phát triển kinh tế hàng hóa là sự phân công

lao động thì đối với Hải Hậu, đây lại là vấn đề nan giải nhất. Từ năm này, qua năm khác, trồng lúa và khai thác tối ưu những khả năng của cây lúa, từ hạt gạo cho tới rơm rạ đã trở thành một tập quán khó có thể đổi khác đi được. Những hoạt động khác bên ngoài việc trồng lúa và hoa màu dường như không hấp dẫn bao nhiêu đối với người nông dân. Những thuận tiện từ việc thâm canh lúa màu đã khiến cho các ngành nghề ít được chú ý và bởi vậy cũng ít có điều kiện phát triển.

Cho tới nay cơ cấu kinh tế ở nhiều làng xã vùng Hải Hậu vẫn còn là một mô hình dường như đóng kín và mang nặng tính tự cung tự cấp. Hầu hết những sản phẩm làm ra đều được sử dụng sai chỗ, có nơi thậm chí phải hai, ba xã mới có một cái chợ nhỏ. Bởi vậy, trong nhiều trường hợp, thắng lợi của mùa màng chỉ làm tăng thêm sự dành dụm, cất giữ thóc gạo và hoa màu vào các lô cốt của nông dân. Số người mang những sản phẩm dư thừa ra chợ bán là rất nhỏ. Người ta chỉ thực sự bán đi những gì mà mình thu hoạch được khi trong gia đình xuất hiện những nhu cầu phải mua sắm những vật dụng cần thiết.

Theo số liệu điều tra của chúng tôi ở xã Hải Hậu; một xã nằm bên cạnh khu vực chợ Cồn (một trong những chợ lớn và sầm uất nhất của Hải Hậu) thì số hộ gia đình được hỏi cho biết họ có mang số thóc gạo thừa ra chợ bán chỉ là 7,5% trong số này 73,1% là bán tại chợ gần nhà. Vùng nông thôn Hải Hậu cho tới nay vẫn gọi lên hình ảnh của thọt khu vực trù phú nhưng lại chưa có được một mạng lưới thị trường tương ứng với tiềm năng của nó. Có lẽ đây là một trong những yếu tố quan trọng làm kìm hãm sự phát triển của kinh tế hàng hóa.

II.2. Trong những năm qua, Hải Hậu đã có những thử nghiệm nghiêm túc trong việc phát triển các ngành nghề nhằm giải phóng lao động nông nghiệp, phát triển

manh hàng hóa và làm đa dạng cơ cấu kinh tế. Ngoài 11 hợp tác xã đánh cá và 16 hợp tác xã làm muối, Hải Hậu đã tổ chức được một mạng lưới khá rộng công nghiệp và thủ công nghiệp xoay quanh các ngành nghề cơ khí, gạch ngói, sành sứ, thủy tinh, dệt vải, bện thảm, làm bao bì v.v....

Tuy nhiên đây là một việc làm hết sức khó khăn không phải chỉ do cơ chế quản lý, do những vướng mắc của thủ tục: hành chính quan liêu mà còn chính vì những nhân tố khách quan về vị trí địa lý, giao thông thị trường về sự thiếu thốn nghiêm trọng nguyên vật liệu... Tình trạng này đã dẫn tới kết quả là rất nhiều cơ sở công nghiệp và thủ công nghiệp hoạt động yếu ớt, khi làm khi nghỉ, nhiều hợp tác xã tổ chức phải triển ngành nghề chỉ để khỏi mất điểm thi đua nhưng rốt cục vẫn lại phải lấy sự thu nhập từ nông nghiệp để bù vào những thiếu hụt và thua lỗ của ngành nghề khác.

Sự phát triển ngành nghề trong những điều kiện như trên đã khiến cho sự lượng lao động tách khi nông nghiệp không nhiều. Phần lớn số lao động làm ngành nghề đều còn nhận ruộng khoán, coi đó là chỗ dựa vững chắc và đảm bảo nhất. Kết quả điều tra của chúng tôi tại hai xã Hải Tân và Hải Sơn đã cho thấy 81,5% số hộ nông dân chỉ trông cậy vào việc trồng cây mà không hề biết thêm một ngành nghề nào khác.

Do không có khả năng giải quyết nguyên vật liệu tại chỗ, nhiều xã và hợp tác xã ở Hải Hậu đã rất lúng túng trong việc phát luật các ngành nghề ngoài nông nghiệp Công như việc giải quyết số lao động thừa ngày càng lớn. Chẳng hạn, để phát triển ngành sành sứ, nhiều hợp tác xã đã phải cử người lên tận Hải Dương để mua đất trong khi thì nhưng con buôn chuyên nghiệp có thể mua cũng từ đó những sản phẩm đã hoàn chỉnh và về bán với giá rẻ hơn. Để phát triển nghề mộc, xã Hải Vân đã phải tổ chức thu mua và vận chuyển gỗ rất xa từ Tây Bắc, Việt Bắc, từ Nghệ Tĩnh khu Bốn. Tại nhiều hợp tác xã làm gia công hàng xuất khẩu, số lượng tiền bạc dành cứ việc đưa nguyên vật liệu về địa phương và chuyển thành phẩm từ địa phương đi giao nộp còn cao hơn cả những chi phí cơ bản khác dành cho sản xuất. Trong hoàn cảnh thua lỗ của những ngành nghề thủ công ngày càng rõ rệt thì việc quay trở lại với đồng ruộng vẫn là con đường chắc chắn hơn cả. Điều đó giải thích tại sao trong số hộ gia đình được phỏng vấn của chúng tôi, hầu hết đều không muốn trả lại ruộng khoán để làm các ngành nghề khác. Ở xã Hải Sơn có tới 71% số hộ được hỏi muốn nhận thêm ruộng khoán, 27,4 % muốn giữ nguyên ruộng như cũ và không có hộ

nào muốn trả lại ruộng. Ở Hải Tân, số hộ muốn nhận thêm ruộng là 49,2% giữ nguyên ruộng như cũ là 46,3%, còn số người trả ruộng chỉ có 1,7%. Trong số những hộ trả lại ruộng khoán thì có 40,3% trả lời là do thiếu lao động, 43,6% do không có khả năng đầu tư. Số người trả ruộng vì lý do dành lao động và đầu tư cho các ngành khác là rất ít, chỉ có 9,6%. Bởi vậy, trong tình hình hiện nay, tính chất thống trị của những hoạt động thuần túy nông nghiệp vẫn còn khá đầy đủ cơ sở kinh tế cho sự tồn tại dằng dai của nó. Rõ ràng chừng nào chưa xuất hiện một cách rõ rệt xu hướng chuyển lao động nông nghiệp sang lao động những ngành nghề khác, chừng đó chưa thể có những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế hàng hóa.

II.3 Thực tế của những phát triển cách mạng trong hàng chục năm qua ở nông thôn đã khiến cho trong thời gian qua, không ít các nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh một cách phấn khởi tới việc cải tạo thành công gốc rễ của cơ chế cũ, thêm vào đó là những nhận định lạc quan về cơ sở xã hội cho một con đường rộng mở đi lên chủ

nghĩa xã hội. Không ít các công trình nghiên cứu về nông thôn đã nói tới những điều kiện hiện thực luật phát từ việc đẩy nhanh cách mạng quan hệ sản xuất của việc xây dựng nhanh chóng nền nông nghiệp lớn, hiện đại. Để nhận định đúng đắn vấn đề này, chúng ta cần quay trở lại phân tích kỹ lưỡng hoá bộ mặt nông thôn, trong tập quán lao động và sinh hoạt, trong những trạng thái tâm lý. Nói một cách cụ thể, cần nghiên cứu sâu sắc khía cạnh xã hội trong những hoạt động của cư dân nông thôn.

Thực tế đã cho thấy, không nên coi nhẹ năng lực cản li lợm không chỉ ở những điều kiện kinh tế khách quan mà cứu ở chính sự nhận thức của con người đối với việc sản xuất hàng hoá.

Câu hỏi về sự bị phá vỡ của cái cơ chế làng xã vốn tồn tại suốt nhau thế kỷ và thực tế mức độ bị phá vỡ này đến đâu vẫn còn chưa có được lời giải đáp thỏa đáng. Chỉ có điều, trên thực tế những vấn đề xã hội, tư tưởng, tâm lý về cộng đồng làng xã vẫn còn tiếp tục tồn tại đôi khi dưới dạng rất nguyên thủy hoặc chỉ biến tướng đi ít nhiều. Nó là một trong những trở ngại lớn đối với con đường phát triển kinh tế hàng hóa, đặc biệt là ở những vùng chuyên canh lúa. Hình ảnh về một cộng đồng nông thôn tự túc, tự cấp, khép kín, trong hàng rào vô hình của làng đã vẫn còn tồn tại, thậm chí gợi lên những gì bình yên và đẹp đẽ trong mơ tưởng của rất nhiều cư dân nông thôn. Trong cộng đồng khép kín này, con người thỏa mãn một cách khiêm tốn và yên tâm với những gì mà mình làm ra được tuy không thật nhiều của cải nhưng cũng không thật túng thiếu. Cộng đồng cũng là nơi mọi người làm việc có thể sẽ không thật cực nhọc và sử dụng cũng không mấy đòi hỏi mà những gì họ có được.

Các cộng đồng tương như đã được xóa bỏ từ lâu, vẫn thực tế tồn tại trong tư tưởng và tâm lý của người dân nông thôn hiện nay

Người ta vẫn chưa thấy sự cần thiết của bán buôn trao đổi, của sự cách tân kỹ thuật và công nghệ. Người ta cũng thấy không cần phải đi đâu xa xôi khỏi làng xã. Con cái thì cưới xin từ trong làng. Được mùa thì cất giữ thóc gạo, mất mùa thì ăn uống dè sẻn. Người làm nghề buôn bán bị khinh rẻ. Sự sang giàu bị coi thường và con người tự hào vì sự bần hàn của mình.

Sự tồn tại của cộng đồng thôn xã trở thành một thứ bệnh nguy hiểm ở trong thôn hiện nay. Nó ngăn cản những ý định và khả năng phát triển mạnh kinh tế của các hộ có tiềm năng về lao động và vốn, chống lại những mầm mống ban đầu của xu hướng sản xuất hàng hóa. Sống ở giữa cộng đồng này, nhiều hộ do làm ăn phát triển, giàu có lên hoặc nhiều hộ buôn bán đã buộc phải tìm cách di chuyển ra các thị trấn. Nhiều hộ có vốn, có tiền nhưng vẫn không dám mạnh dạn mở mang sản xuất, lắp đặt thêm các công cụ sản xuất, máy móc nông nghiệp nhỏ để kinh doanh. Nhiều hộ đã phá buôn bán và kinh doanh một cách lén lút. Hải Tân và Hải Sơn là hai xã mà chúng tôi điều tra chỉ nắm cách trợ Công nổi tiếng của Hải Hậu có chút ít những số hộ tách ca kinh doanh làm dịch vụ hoặc buôn bán cũng chỉ chiếm có 2%. Cả một trục đường chính, rộng rãi chạy suốt hai xã cũng chỉ có lều tèo vài quán nước chè và dăm ba quầy nhỏ bán những đồ lặt vặt như đèn dầu, khăn mặt, kim chỉ. Về phương diện này, thực tế đã chỉ ra rằng, càng ở

những vùng kinh tế hàng hóa kém phát triển thì bầu không khí chống lại việc phát triển hàng hóa càng trở nên u ám nhất. Ở đây chỉ có đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng liên tục chống lại tâm lý làng xã và những thói quen, tập quán do nó mang lại, chúng ta mới có thể có được những cơ sở xã hội cho chính việc phát triển kinh tế hàng hóa

II.4. Trong số những hàng rào lớn ngăn cách sự phát triển của kinh tế hàng hóa hiện nay ở nông thôn thì tư tưởng bình quân có một vị trí đặc biệt. Được tạo điều kiện phát triển bởi một thời gian dài cơ chế tập trung quan liêu bao cấp tư tưởng bình quân đã gây ra những tác hại lớn.

Cho đến nay, ở nhiều vùng nông thôn mà chúng tôi nghiên cứu, trong đó có Hải Hậu, bình quân vẫn còn được hiểu đồng nghĩa với sự công bằng. Phương pháp tính toán bình quân được coi là hợp lý nhất trong việc giải quyết tất cả những vấn đề kinh tế xã hội ở nông thôn. Nó thể hiện cụ thể trong việc phân chia ruộng khoán, hóa giá máy móc, trâu bò, và những công cụ sản xuất khác cho các xã viên hợp tác xã.

Tại hai xã Hải Tân và Hải Sơn mà chúng tôi nghiên cứu của thực tế việc phân chia ruộng khoán cho các xã viên đã được tính toán bình quân trên cơ sở nhân khẩu của các hộ gia đình. Điều đó đã dẫn từ tình trạng nhiều hộ gia đình có khả năng lớn về vốn, lao động, có trình độ tham canh cao đã không có điều kiện để mở rộng sản xuất, tận dụng hết năng lực của mình Ngược lại cũng có những hộ lao động kém thậm chí lười nhác nhưng vẫn được giữ lại những chân ruộng tốt và thâm canh với năng suất và hiệu quả thấp ở cả hai xã, việc chia thêm ruộng cho những gia đình lao động giỏi đã không được thực hiện bởi chính bầu không khí chung của làng xóm, bởi những dư luận cho rằng như vậy không công bằng. Việc đấu thầu những ruộng xấu đã bị bãi bỏ vì nhiều đảng viên lâu năm phản đối, cho đã là sự tiếp tay cho những nhà giàu có. Nhiều máy móc công cụ sản xuất khi hóa giá đã không có điều kiện để lọt vào tay những hộ có khả năng nhất trong việc kinh doanh, hạch toán sản xuất.

Tư tưởng bình quân cũng thể hiện ở chỗ, cho tới nay, những gì liên quan tới kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân vẫn còn bị ít hoặc nhiều bị coi là phi pháp và luôn luôn bị chèn ép từ mọi phía. Các ngành nghề thủ công nếu không do hợp tác xã tổ chức và đỡ đầu thì đều co cụm lại không có điều kiện mở rộng: Trong số ít ỏi những người có làm thêm ngành nghề khác ở hai xã Hải Tân và Hải Sơn thì có tới 85,4% là làm những công việc do hợp tác xã tổ chức và 36,4% là ra thị trấn làm thuê cho người khác. Hầu hết những người có tổ chức ngành nghề ở nhà đều dựa trên cơ sở làm thêm ngoài công việc mà hợp tác xã đã giao cho họ đảm nhiệm chính thức. Ở xã Hải Tân, số hộ làm các ngành nghề thủ công là : thợ rèn, thợ mộc, thợ may... Những người tự tổ chức và tính toán công việc của mình chỉ chiếm có 3%.

Theo sự phân tích của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, việc sản xuất hàng hóa chỉ có thể ra đời trên cơ sở của sự chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất hoặc nêu trong chủ nghĩa xã hội thì phải dựa trên cơ sở của các thành phần kinh tế khác nhau và đa dạng. Bởi vậy, chừng nào còn tồn tại sự thống trị của tư tưởng bình quân, chừng đó chưa thể có sự phát triển mạnh kinh tế hàng hóa.

II. 5. Những kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở vùng nông nghiệp Hải Hậu đã cho thấy, những lực cản khách quan và chủ quan, từ yếu tố kinh tế cũng như từ yếu tố xã hội đối với việc phát triển kinh tế hàng hóa ở nông thôn là rất mạnh mẽ. Nó liên kết với nhau, đan bện vào nhau tạo thành một vòng tròn luẩn quẩn của những sự bảo thủ và trì trệ, luôn dẫn tới xu hướng chung của sự tái tạo trở lại một mô hình nông thôn khép kín. Phá vỡ nó để tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển trước mắt vẫn còn là một công việc khó khăn.

III. 1 Cơ cấu xã hội vùng nông thôn Hải Hậu, được phân bố một cách tự nhiên dựa trên những hoạt động kinh tế cơ bản của huyện. Hải Hậu có 4 cụm kinh tế nằm ở trung tâm địa lý của mỗi vùng trong

huyện là huyện lỵ, Hải Hậu, Chợ Cồn, Thượng Trại, Trục Thái. Cơ cấu xã hội tại mỗi vùng lại có những đặc điểm riêng biệt.

Chúng tôi tạm chia làm ba loại khu vực cơ cấu nhỏ khác nhau: thứ nhất, khu vực thị trấn và huyện lỵ, thứ hai, khu vực giáp ranh giữa huyện lỵ, thị trấn với nông thôn và thứ ba, khu vực thuần túy nông thôn. Mỗi khu vực nó trên có một cơ cấu xã hội riêng. Nếu khu vực thị trấn và huyện lỵ có một cơ cấu không thuần nhất và luôn vận động, biến đổi phức tạp thì ở khu vực thuần túy nông thôn, cơ cấu xã hội dường như khép kín và biến đổi chậm chạp.

Ở đây chúng tôi không nghiên cứu khu vực thị trấn, huyện lỵ cũng như khu vực giáp ranh, mà chỉ đi sâu tìm hiểu cơ cấu xã hội ở khu vực thuần túy nông thôn

III. 2. Trong hoàn cảnh kinh tế hàng hóa chưa phát triển mạnh, quá trình phân công lại lao động nghề nghiệp chưa diễn ra hoặc chỉ diễn ra một cách chậm chạp, đóng kín, sự biến đổi trong cơ cấu xã hội những vùng nông thôn thuần túy chuyên canh lúa là không đáng kể. Điều này cũng đúng với khu vực Hải Hậu.

Mô hình chung của cơ cấu xã hội những vùng nói trên chủ yếu vẫn xoay quanh đội ngũ những người làm nghề nông. Người nông dân vẫn là lực lượng đông đảo và cơ bản nhất, mặc dù trong số họ cũng có thể được phân nhỏ ra thành nhiều nhóm khác nhau. Chẳng hạn, nhóm những hộ nông dân làm nông nghiệp thuần túy, nhóm những người dân cửa làm nông nghiệp vừa làm nghề thủ công, nhóm nông dân vừa làm nông nghiệp vừa làm dịch vụ, buôn bán, chạy chợ v.v... Cùng với sự tồn tại cơ cấu ngành nghề, còn có thể phân chia cơ cấu xã hội nông thôn theo mức độ thu nhập, nói một cách cụ thể là có thể phân chia theo nhóm những hộ thiếu ăn, đủ ăn và thừa ăn. Tuy nhiên theo sự điều tra của chúng tôi, những sự phân chia theo phương thức trên lại những khu vực thuần túy nông thôn, trong điều kiện kinh tế hàng hóa chưa phát triển chỉ mang tính chất tương đối. Khác với những vùng nông thôn đã phát triển mạnh kinh tế hàng hóa và những khu vực thị trấn, huyện lỵ ở đây khoảng cách và ranh giới giữa các nhóm là hoàn toàn không rõ ràng.

III.3. Trong cơ cấu xã hội khu vực nông thôn và nông nghiệp thuần túy, chúng tôi gọi *nhóm A* là nhóm những hộ gia đình mà ngoài những công việc đồng áng ra đã không làm thêm những ngành nghề nào toác. Nhóm này chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu xã hội. Ở hai xã Hải Tân và Hải Sơn, nhóm A chiếm tỷ lệ 85% trong toàn bộ số hộ gia đình.

Phần lớn các hộ gia đình trong nhóm A đều tập trung vào việc sản xuất nông nghiệp. Theo điều tra của chúng tôi, hiện nay, 98,2% số hộ gia đình trong nhóm đã muốn giữ nguyên hoặc cố gắng xin thêm ruộng khoán. Số hộ trả bớt ruộng khoán chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ bé là 1,7%. Trong nhóm, số hộ muốn chạy sang làm các ngành nghề khác là rất thấp. Ý muốn sống lâu dài bằng nghề nông ở nhóm A vẫn là tư tưởng chủ đạo trong mọi suy nghĩ và việc làm của các hộ thuộc nhóm này. Trước mắt, việc di chuyển từ nhóm A sang các nhóm khác là không đáng kể.

Chúng tôi xếp những hộ gia đình vừa làm nông nghiệp vừa làm thêm các ngành nghề thủ công nghiệp vào một nhóm khác – *nhóm B*. Ở hai xã Hải Tân và Hải Sơn nhóm này chiếm một tỷ lệ nhỏ bé, ở Hải Tân là 12,7%, ở Hải Sơn 11%. Ở Hải Tân số gia đình thuần túy làm từ thủ công nghiệp chỉ chiếm 0,3%. Ở Hải Sơn không có gia đình nào chỉ làm ngành nghề mà không làm ruộng.

Trong điều kiện kinh tế hàng hóa chưa phát triển, nhóm B luôn luôn nằm trong tình trạng đổi thay và dao động. Phần lớn các hộ trong nhóm đều coi công việc làm ngành nghề thủ công chỉ là một thứ “nghề tay trái” nghề phụ. Họ không làm ngành nghề thường xuyên mà chỉ vào những lúc mùa màng không tấp tểnh hoặc khi có khả năng thu lợi cao. Bởi vậy, phần lớn các hộ trong nhóm đều vẫn hướng về nghề nông và nếu như mùa màng thắng lợi, mưa thuận gió hòa, họ sẵn sàng quay trở lại mà từ bỏ việc làm các ngành nghề khác. 100% số người trong nhóm B mà chúng tôi phỏng vấn đều muốn giữ nguyên ruộng khoán của mình, trong số đó có 69,2% muốn được nhận thêm ruộng. Theo điều tra của chúng tôi, trong thời gian tới, chưa thấy có những số liệu cụ thể nào cho thấy tỷ lệ của nhóm B sẽ tăng lên. Số hộ mở thêm sản xuất

ngành nghề so với số hộ rút bớt các hoạt động ngành nghề và số hộ giữ nguyên trạng lần xuất là ngang bằng nhau.

Để hiểu rõ hơn xu hướng vận động trong cơ cấu xã hội của khu vực nông thôn thuần túy. chúng ta cũng cần xem xét thêm thực trạng của nhóm C là nhóm những hộ gia đình vừa làm nghề trồng vừa buôn bán thêm. Ở Hải Tân và Hải Sơn nhóm C chiếm 1 một tỷ lệ khiêm tốn so với những nhóm khác, chỉ có 2% số hộ. Đặc biệt cả hai xã đều không có những hộ buôn bán thuần túy tách khỏi sản xuất nghiệp. Hầu hết những hộ có dính dáng tới việc buôn bán đều nằm gần các trục lộ giao thông hoặc gần khu vực chợ. Trong hộ người đứng ra buôn bán thường chỉ là các ông bà và những người tàn tật.

Ở nhóm C, 100% số hộ gia đình được hỏi đều trả lời rằng họ muốn giữ lại ruộng khoán, trong số đó 44,4 % muốn được nhận thêm. Trong nhóm không có hộ nào trả lời rằng họ có ý định mở rộng thêm sự kinh doanh buôn bán.

III. 4. Gần đây nhiều nhà nghiên cứu có nói nhiều tới sự phân tầng xã hội, sự phân hóa người giàu, người nghèo ở nông thôn. Vậy trên thực tế những vấn đề này đã xảy ra như thế nào ở những khu vực mà chúng tôi nghiên cứu – khu vực nông thôn và nông nghiệp thuần túy.

Ngoài những khu huyện lỵ, thị trấn và vùng giáp ranh mà chúng tôi chưa có dịp đi sâu phân tích kỹ khu vực của xã thuần túy nông nghiệp những sự phân hóa nói trên là thực sự nhỏ bé và không đáng kể. Tư tưởng bình quân và cơ chế tập trung quan liêu tồn tại trong nhiều năm nay đã không tạo miếng đất thuận lợi cho sự phân hóa này.

Gần đây, với chính sách mới trong quản lý nông nghiệp đặc biệt là chế khoán sản phẩm, những mầm mống đầu tiên cho sự phân hóa đã xuất hiện. Tuy nhiên mức độ phân hóa vẫn còn hết sức yếu ớt. Theo dõi mức thu nhập chung của người nông dân Hải Hậu, chúng ta thấy: tỷ lệ những hộ vượt khoán trong huyện là 72%, những hộ đạt sức khoán là 18% số không đạt khoán chỉ chiếm 10%. Tại một khu vực mà thu nhập chủ yếu vẫn là ở việc thu hoạch lúa màu thì con số trên có một ý nghĩa thật đáng lưu ý. Với tỷ lệ số ruộng nhận khoán của các hộ được chia khá đồng đều theo số nhân khẩu trong gia đình, chúng ta có thể thấy rằng từ 80% tới 90% số hộ gia đình đã có mức thu nhập theo từng mùa gần như tương đương với nhau. Số người thực sự nghèo khó và số người thực sự giàu có tách biệt khỏi lý lẽ chung kia là rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 10% đến 15% , tùy theo từng địa phương.

Mức độ tương đối đồng đều về thu nhập còn được chỉ rõ ở những con số mà chúng tôi nghiên cứu tại xã Hải Sơn như sau : trong xã có tới 9% số hộ gia đình có tỉ lệ 90% số hộ đã làm nhà ngói, 92% có điện, 20 % có xe máy. Để tham khảo thêm, chúng ta hãy xem việc trả lời câu hỏi : “ gia đình ta hiện có những công cụ sản xuất gì” sau đây (bảng 1)

Bảng 1: Tỷ lệ các gia đình có công cụ sản xuất (%)

| Công cụ | Hải Tân | Hải Sơn |
|---------------|---------|---------|
| Trâu bò | 26,9 | 27,4 |
| Cày bừa | 26,1 | 26,2 |
| Bình trừ sâu | 44,8 | 18,9 |
| Xe cải tiến | 0,7 | 1,2 |
| Máy tuốt lúa | 6,0 | 4,9 |
| Các thứ khác | 29,8 | 16,4 |
| Không trả lời | 29,8 | 45,7 |

Trong tình hình mức thu nhập tương đối đồng đều như trên, tâm lý chung của các cán bộ quản lý cũng như của nhiều người dân ở những khu vực này là ngại sự phân hóa, tìm cách ngăn cản sự phân hóa, ủng hộ một xu hướng khép kín nhằm chống lại ảnh hưởng của sự phân hóa chung của các khu vực thị trấn huyện lỵ và những vùng giáp ranh thị trấn.

III. 5. Xét chung về cơ cấu xã hội của các nhóm ở khu vực thuần nông nghiệp: tại Hải Hậu, chúng ta có thể thấy rằng sự bám rễ vào nghề nông vẫn khá chắc chắn và còn là một xu hướng chủ đạo và xuyên suốt trong các nhóm. Điều đáng lưu ý ở đây là *nếu chính sách đối với khu vực nông nghiệp là phù hợp với tiến bộ, tạo ra năng suất lao động cao, khuyến khích được người nông dân chủ động và tích cực trong sản xuất thì tỷ lệ những người chuyển sang làm các ngành nghề khác lại thấp đi*. Người nông dân càng được cởi bỏ mọi sự ràng buộc và cơ chế để làm nông nghiệp tốt hơn thì họ càng bám chắc hơn vào mảnh đất của mình. Điều này trên thực tế đã diễn ra rất rõ nét. Ở nhiều khu vực chúng tôi nghiên cứu, chính cơ chế khoán bở trong nông nghiệp đã khiến cho rất nhiều thợ thủ công và những người làm ngành nghề phi nông nghiệp có xu hướng quay trở về với đồng ruộng. Đây là điều thật đáng quan tâm đối với việc phân công lại lao động để đẩy mạnh kinh tế hàng hóa.

*

* *

IV. 1 Con đường phát triển kinh tế hàng hoá ở nông thôn chỉ có thể được thực hiện thông qua việc ban hành kịp thời và đúng đắn những chính sách nhằm phá vỡ xu hướng khép kín trong cơ cấu kinh tế - xã hội, xây dựng cơ chế quản lý mới, đổi mới toàn diện nếp suy nghĩ, tư tưởng và tập quán của người nông dân. Kinh nghiệm của những năm qua đã cho thấy việc ban hành những chủ trương, đường lối, chính sách về

nông nghiệp cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng trên cơ sở của những quy luật vận động và phát triển khách quan của thực tiễn. Sự nôn nóng chủ quan, những mong muốn vượt lên trước, đốt cháy giai đoạn bất chấp các quy luật khách quan, trên thực tế đã để lại những di hại to lớn thậm chí làm chậm lại sự phát triển của nông thôn và nông nghiệp.

Thực tế nhưng kết quả nghiên cứu ở Hải Hậu đã chỉ ra rằng khi đường lối chính sách đúng đắn phù hợp với quy luật phát triển khách quan, nó sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tốt mọi tiềm năng kinh tế-xã hội thu hút, động viên sự tham gia một cách tích cực và tự giác của người nông dân vào phong trào cách mạng chung.

IV. 2. Việc ban hành hàng loạt chính sách mới đối với nông nghiệp trong thời gian vừa qua, đặc biệt là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp đã mang đến cho nông thôn một bầu không khí đổi khác.

Một trong những ý nghĩa quan trọng nhất mà Nghị quyết 10 đem lại cho người nông dân, đó là sự phát huy khả năng hoạt động lao động một cách tự giác, quyền tự chủ của mỗi hộ gia đình trong sản xuất và kinh doanh nông nghiệp. Mặc dù trên thực tế mức thu nhập của người nông dân chưa hẳn đã vượt trội hơn trước, nhưng hầu hết những hộ gia đình được chúng tôi phỏng vấn đều phấn khởi và ủng hộ tinh thần mới mẻ của nghị quyết.

Người nông dân đã nhiệt tình và hăng say hơn trong lao động. Ở Hải Tân, và Hải Sơn, công việc thu chiêm và làm mùa thường ít khi đảm bảo đúng thời vụ và phải tiến hành trong vòng hơn 2 tháng, vừa qua đã được thực hiện chỉ trong 25 ngày. Trên 90% số ruộng lúa mùa đã được cấy vào đúng thời điểm tốt nhất. Công việc này trước đây thường chỉ đạt 40%. Ruộng đất được cày bừa và chăm sóc kỹ hơn, các hộ nông dân không còn ỷ lại, trông đợi ở sự thôi thúc của tập thể mà đã chú ý tới việc nâng cao kỹ thuật thay đổi giống lúa, tập trung vốn nhiều hơn cho việc chăm bón.

Theo kết quả điều tra của chúng tôi, có tới 91,8% số hộ ở Hải Tân và 98,8% ở Hải Sơn đã bỏ thêm

vốn của mình nhiều hơn các vụ trước cho việc chăm sóc ruộng khoán. Bảng 2 cho thấy mức độ đầu tư như sau :

Bảng 2: Tỷ lệ các hộ gia đình đầu tư thêm vốn vào ruộng khoán (%)

| Các loại đầu tư | Hải Tân | Hải Sơn |
|-----------------|---------|---------|
| Phân chuồng | 88,8 | 98,2 |
| Phân hóa học | 91,8 | 98,8 |
| Thuốc sâu | 88,0 | 90,2 |
| Các thứ khác | 39,5 | 64,0 |

Theo dõi các khoản chi tiêu của các hộ nông dân, sau khi triển khai Nghị quyết 10, chúng tôi nhận thấy ở hầu hết các xã tại Hải Hậu, việc mua sắm vật dụng gia đình làm nhà cửa đã giảm bớt trông thấy, nhường chỗ cho việc tập trung đầu tư sản xuất. Tại Hải Tân và Hải Sơn, số gia đình được hỏi nói rằng họ dành phần chi tiêu cho việc đầu tư sản xuất đã lên cao, Hải Tân : 76,1%, Hải Sơn : 90,2% . Do đổi mới cơ chế khoán, những máy móc công cụ của hợp tác xã để hỏng hóc trong kho nhiều năm nay đã được các xã viên mua lại, sửa chữa và sử dụng hết khả năng trong công việc.

Mặc dù những chính sách mới mẻ trong nông nghiệp đã tạo ra những chuyển biến bước đầu rất đáng phấn khởi ở nông thôn, nhưng đồng thời nó cũng làm nảy sinh rất nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu và giải quyết kịp thời, đặc biệt là vấn đề quản lý.

IV. 3. Việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế hàng hóa cũng gắn liền với sự củng cố và hoàn thiện cơ chế quản lý mới ở nông thôn. Cho tới nay, hình thức của bộ máy quản lý cũng như thực tế nội dung của công việc quản lý ở nông thôn vẫn còn rất nhiều vấn đề cần được nghiên cứu và xem xét kỹ lưỡng. Chẳng hạn, với cơ chế khoán mới, vai trò của hợp tác xã và tập thể sẽ như thế nào ? Quyền chủ động của người nông dân sẽ được mở rộng tới mức độ nào? Các quy tắc, quy chế, pháp luật trong việc thực hiện những nguyên tắc trên ra sao ? Cần phải đưa vào những tiêu chuẩn gì để lựa chọn và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý mới ở nông thôn hiện nay ?

Khi nghiên cứu thực tế nông thôn, điều làm chúng tôi phải suy nghĩ rất nhiều là, trong khi những tư liệu sản xuất chủ yếu trong đó có ruộng đất vẫn ở trong tay của tập thể thì nguồn thu nhập lớn của người nông dân lại là trông chờ nhiều ở bản thân, kinh tế gia đình, ở đất phần trăm. Khi chúng tôi đặt câu hỏi “để đảm bảo đời sống hàng ngày, thu nhập chính của gia đình ta là do đâu” thì chỉ có 29,5% số người được hỏi cho rằng nguồn thu nhập chính của họ là từ kinh tế tập thể. Những người trả lời rằng thu nhập chính của họ là do gia đình tự lo liệu lấy đã lên tới 34,2%. Số còn lại cho rằng họ thu nhập từ hai nguồn tương đương với nhau. Kết quả trả lời câu hỏi đã cho chúng ta thấy trên thực tế hiệu quả quản lý sản xuất và lao động của các hợp tác xã là rất thấp. Nó cũng nói lên tính cấp thiết phải đổi mới, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới mà chúng ta đã xây dựng trong những năm qua, xây dựng một cơ chế quản lý tương ứng để một mặt vừa phát huy được thế mạnh của sở hữu Nhà nước và tập thể, mặt khác, tận dụng kết mọi tiềm năng lao động và sản xuất của cá nhân, và gia đình. Thực tế đã cho thấy, như trong những vấn đề gay gắt nhất hiện nay ở nông thôn là chúng ta chưa giải quyết được một cách đồng bộ và nhịp nhàng mối quan hệ giữa Nhà nước và tập thể, giữa tập thể hợp tác xã và xã viên, giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Hiện tượng sai lệch về chức năng, sự phân định chưa rõ ràng vị trí và nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và quản lý ở nông thôn đã khiến cho các hoạt động kinh tế - xã hội ở nông thôn rơi vào tình trạng trì trệ, chậm chạp. Vùng nông thôn hiện nay vẫn là nơi tập trung cao độ của những sự quan liêu, giấy tờ, cửa quyền, tham nhũng, mất dân chủ... Theo sự thăm dò của chúng tôi có tới trên 82% số người được hỏi tỏ ý không hài lòng về bộ máy quản lý hiện nay ở địa phương, trong đó phần lớn đã phàn nàn về việc giải quyết các chính sách chế độ không kịp thời, không nhạy bén trong việc quản lý sản xuất.

IV.4. Một trong những vấn đề quan trọng nhất đối với việc củng cố và xây dựng cơ chế quản lý mới

ở nông thôn hiện nay là đào tạo, sử dụng và phát huy khả năng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương. Sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết 10, Hải Hậu đã tổ chức lại toàn bộ hệ thống cán bộ quản lý xã và hợp tác xã, thực hiện dân chủ hóa trong việc bầu cử và lựa chọn những cán bộ lãnh đạo địa phương. Việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ đã được thực hiện. Hiện nay ở Hải Hậu 70% số chủ nhiệm hợp tác xã đã nằm trong độ tuổi từ 30 đến 40 tuổi, 76% số phó chủ nhiệm cũng nằm trong độ tuổi này. Người cao tuổi nhất trong huyện còn làm chủ nhiệm cũng chưa tới 50 tuổi. Cùng với việc giảm bớt 27% số cán bộ quản lý ở địa phương, việc trẻ hóa cán bộ như trên đã tạo ra một không khí mới trong hình thức cũng như nội dung của công tác quản lý.

Tuy nhiên trẻ hóa không phải là toàn bộ nội dung của việc đổi mới công tác cán bộ hiện nay ở nông thôn. Vấn đề là ở chỗ, chúng ta phải xây dựng, đào tạo và sử dụng được một đội ngũ cán bộ có năng lực, tài năng, phẩm chất để đảm đương một cách có hiệu quả công tác quản lý, tương ứng với những đòi hỏi mới. Cho tới nay, hầu hết những cán bộ quản lý ở địa phương đều nói rằng họ đã không được đào tạo và chuẩn bị kiến thức đầy đủ cho công tác. Phần lớn những cán bộ này đều trưởng thành từ phong trào. Ở Hải Hậu, số cán bộ làm chủ nhiệm hợp tác xã có bằng đại học chỉ chiếm 8% số chủ nhiệm trong toàn huyện, trong khi đó 46% chưa có ứng cử gì cả.

Đào tạo cán bộ cũng cần phải được gắn liền với việc bồi dưỡng, sử dụng và tạo điều kiện để họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Ở những vùng chúng tôi nghiên cứu vẫn còn rất nhiều cán bộ phàn nàn về các cách tuyển chọn cán bộ công thức, máy móc, còn quá chú trọng về chính trị mà coi nhẹ năng lực chuyên môn. Theo phỏng vấn của chúng tôi, có tới quá nửa số cán bộ xã và hợp tác xã cho rằng đãi ngộ thực tế đối với họ là quá thấp. Nhiều cán bộ xã không muốn nhận những trọng trách mà họ được phân công.

IV. 5. Sau cùng, những đường lối chính sách về nông thôn và nông nghiệp của Đảng ta không thể tách rời khỏi đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nông thôn không phải là một khu vực biệt lập mà có quan hệ chặt chẽ với mọi khu vực, mọi lĩnh vực hoạt động khác của toàn thể xã hội. Điều này đòi hỏi phải có sự lãnh đạo và quản lý đồng bộ tất cả các mặt của đời sống xã hội trong đó có nông thôn. Sự phát triển kinh tế hàng hóa ở nông thôn có liên quan với sự phát triển công nghiệp thủ công nghiệp giao thông vận tải, thương nghiệp, văn hoá, xã hội, tư tưởng... Các chính sách về nông nghiệp chỉ có thể được thực hiện thông qua sự thực hiện đồng bộ tất cả những chính sách trọng các khu vực khác. Việc xây dựng cơ chế quản lý như ở nông thôn, hợp tác xã nông nghiệp phải được thực hiện đồng bộ với việc cải tiến cơ chế quản lý của những cấp cao hơn như huyện, tỉnh, trung ương Chừng nào nông thôn và nông nghiệp vẫn còn bị coi như là địa bàn hoạt động riêng biệt của các nông học, các cán bộ xã và những người nông dân chần lăm tay bùn, chừng đó nông thôn vẫn chưa có những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, “nông nghiệp cũng chưa thực sự được coi là mặt trận hàng đầu, không được đảm bảo những điều kiện cần thiết để phát triển” (2).

*

* *

Nghiên cứu về nông thôn và nông nghiệp là một vấn đề phức tạp, khó khăn. Địa bàn nông thôn, cho đến nay đã thu hút mạnh mẽ các nhà nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta còn chưa có được những công trình nghiên cứu cơ bản, toàn diện có tầm cỡ tương xứng với những đòi hỏi mà mặt trận nông nghiệp đặt ra.

Trên đây chỉ là những suy nghĩ bước đầu được rút ra từ một đợt khảo sát xã hội học. Nó còn cần phải, được nghiên cứu sâu, công phu với một thời gian khảo sát dài hơn, cần phải được góp ý tranh luận một cách nghiêm túc hơn từ phía những người quan tâm.

2. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Báo “Nhân dân” ngày 16 -12 - 1986